

QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - LIÊN MINH CHÂU ÂU: HIỆN TRẠNG VÀ TRIỂN VỌNG

TS. NGUYỄN QUANG THUẤN
Viện Nghiên cứu Châu Âu

Những diễn biến phức tạp trong những năm đầu thế kỷ XXI đã và đang tác động mạnh mẽ đến quan hệ kinh tế quốc tế nói chung, quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam - Liên minh Châu Âu nói riêng. Kể từ năm 1990 khi Việt Nam và EU thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức, quan hệ Việt Nam - EU đã từng bước được phát triển và mở rộng, đặc biệt sau khi Hiệp định khung hợp tác giữa hai bên được ký kết, mối quan hệ này được phát triển rất nhanh chóng. Hiện nay, quan hệ kinh tế Việt Nam - EU giữ vị trí vô cùng quan trọng trong quan hệ kinh tế đối ngoại của Việt Nam. EU đang là một trong những đối tác kinh tế - thương mại quan trọng vào bậc nhất của Việt Nam. Do vậy, tăng cường quan hệ kinh tế với Liên minh Châu Âu trong bối cảnh mới có ý nghĩa cực kỳ quan trọng.

I. BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG

Bước vào những năm đầu của thế kỷ XXI, tình hình quốc tế và khu vực có nhiều biến đổi quan trọng, tác động mạnh mẽ đến quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam - EU, đó là:

Thứ nhất, quá trình toàn cầu hoá và khu vực hoá diễn ra mạnh mẽ trên mọi mặt của đời sống kinh tế của tất cả các quốc gia trên thế giới. Đây không chỉ là một xu thế mà đã trở thành một thực tế sinh động, tác động đến mọi mặt của tiến trình phát triển của thế giới, cuốn hút mọi quốc gia đã và đang phát triển.

Cùng với quá trình phát triển mạnh mẽ của toàn cầu hoá, những mâu thuẫn trong thương mại quốc tế đã diễn ra ngày càng gay gắt do mâu thuẫn về lợi ích trong thương mại quốc tế giữa các nước phát triển và đang phát triển (điển hình là thất bại của Hội nghị Cancun ở Mêxicô, của Vòng đàm phán Doha). Xu thế phát triển mạnh mẽ các khối liên kết kinh tế như: Hiệp định Tự do thương mại toàn Châu Mỹ vào năm 2005; Tăng cường hợp tác trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương thông qua diễn đàn APEC; Sáng kiến hình thành nhóm kinh tế Đông Á (EAEC) của Malaixia; Nhóm kinh tế Thượng Hải và ý tưởng hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN(AEC) vào năm 2020 và quá trình tích cực thực hiện Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN(AFTA) hiện nay. Ngoài ra, xu hướng tăng cường hợp tác

song phương ngày càng gia tăng, chẳng hạn việc ký kết các hiệp định thương mại song phương giữa các nước thành viên ASEAN với các đối tác bên ngoài như Singapore với Mỹ vào năm 2002, Singapore với Australia, Thái Lan đang chuẩn bị ký hiệp định tự do thương mại với Mỹ hay việc xúc tiến hiệp định tự do thương mại giữa ASEAN với các nước Đông Bắc Á, với Trung Quốc vào năm 2010, với Nhật Bản vào năm 2012... Trong mối quan hệ đa tầng như vậy, Việt Nam cũng như các thành viên khu vực khác cùng một lúc phải thực hiện rất nhiều nghĩa vụ khác nhau. Trong quá trình chủ động hội nhập quốc tế của mình, việc khai thác đầy đủ những quan hệ mới đồng thời với việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thành viên đòi hỏi Việt Nam – một nước kém phát triển đang trong quá trình chuyển đổi, phải có sự nỗ lực rất cao.

Thứ hai, Tiến trình hợp tác Á - Âu (ASEM) đang tăng cường mạnh mẽ. Tháng 10 năm 2004, Việt Nam là nước chủ nhà của Hội nghị thượng đỉnh ASEM V. Việc tăng cường hợp tác Á - Âu mà Việt Nam và các nước thành viên EU đều là những thành viên sáng lập sẽ tác động mạnh mẽ đến quan hệ Việt Nam - EU. Quan hệ hợp tác ASEM mạnh hơn sẽ tạo điều kiện tăng cường quan hệ song phương, giải quyết những mâu thuẫn nảy sinh trong khu vực cũng như toàn cầu.

Rõ ràng, trong bối cảnh tăng cường hợp tác Á - Âu, Việt Nam với tư cách là thành

viên sáng lập của quá trình hợp tác này, là thành viên của tổ chức ASEAN, cần phải tính toán đầy đủ đến những tác động này để tăng cường hợp tác với EU.

Thứ ba, Liên minh Châu Âu đã mở rộng sang phía Đông vào ngày 1 tháng 5 năm 2004. Đây là sự kiện không chỉ có ý nghĩa to lớn với EU mà còn là yếu tố tác động đến thế giới nói chung, đến quan hệ Việt Nam - EU nói riêng, đó là:

1/ EU mở rộng sẽ tạo ra một vị thế mới trong tương quan lực lượng trên toàn thế giới. Với việc kết nạp thêm 10 thành viên mới, dân số tăng thêm 75 triệu người, bằng 20% dân số hiện có, diện tích lãnh thổ tăng thêm 34%, đây sẽ là lần mở rộng lớn nhất trước tới nay. EU trở thành một khối kinh tế và thị trường lớn nhất thế giới, tạo ra nhiều cơ hội cho các thành viên mới nói riêng, cả Liên minh Châu Âu nói chung tăng nhanh tốc độ phát triển kinh tế và như vậy, EU sẽ trở thành đối tác ngày càng quan trọng với thế giới và Việt Nam.

2/ Các nước thành viên mới gia nhập EU đợt này hầu hết là các nước XHCN- thành viên Hội đồng Tương trợ kinh tế (HĐTTKT) trước kia, có quan hệ truyền thống lâu đời với Việt Nam. Ngay từ đầu những năm 50, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với các nước Trung và Đông Âu và đến năm 1956 đã ký Hiệp định Hợp tác kinh tế thương mại với hầu hết các nước này. Trong những năm tồn tại hệ thống XHCN ở Đông Âu và khối SEV, quan hệ giữa Việt

Nam và các nước Trung và Đông Âu đã phát triển cực kỳ mạnh mẽ, đặc biệt từ năm 1978 khi Việt Nam là thành viên chính thức của HĐTKT. Sau những biến động chính trị - xã hội diễn ra ở Đông Âu và Liên Xô cuối năm 1989 đầu năm 1990, khối SEV giải thể, quan hệ Việt Nam với các nước này chuyển sang giai đoạn hợp tác mới, theo cơ chế mới trên cơ sở của nền kinh tế thị trường. Những năm đầu, quan hệ hợp tác giữa hai phía giảm sút nghiêm trọng do những khó khăn trong cải cách thị trường ở các nước Trung và Đông Âu, cùng với việc thay đổi mục tiêu và cơ chế hợp tác. Những năm sau này quan hệ hợp tác đã từng bước được khôi phục. Tuy nhiên, cho đến nay, mối quan hệ này còn cách xa với những khả năng và yêu cầu hợp tác của cả hai phía. Do vậy, Việt Nam cần phải khai thác triệt để những ưu thế quan hệ truyền thống trong việc mở rộng quan hệ hợp tác với các thành viên mới nói riêng, với EU nói chung trong bối cảnh EU mở rộng.

3/ Mở rộng sang phía Đông với việc kết nạp thêm các thành viên có trình độ kém phát triển hơn nhiều so với các thành viên cũ (Hiện nay GDP theo đầu người của các nước thành viên mới chỉ bằng khoảng 40% mức trung bình của các nước thành viên cũ) đòi hỏi EU phải tập trung, nỗ lực rất cao để giúp đỡ các nước này xoá dần khoảng cách phát triển. Trong những năm trước mắt, chắc chắn điều này sẽ ảnh hưởng tới quan hệ của EU với bên ngoài nói chung, quan hệ hợp tác Việt Nam - EU nói riêng.

4/ Do có sự tự do luân chuyển vốn, dịch vụ, lao động trong Liên minh Châu Âu, các thành viên mới sẽ có điều kiện thuận lợi hơn trong việc trao đổi thương mại, thu hút các luồng vốn từ các thành viên EU cũ, do đó tạo ra sự cạnh tranh gay gắt hơn trong việc thu hút đầu tư và trao đổi thương mại của bên ngoài với EU.

5/ Việc thực hiện chính sách nông nghiệp chung sẽ thu hút nguồn vốn đáng kể vì các thành viên mới có nền nông nghiệp còn khá lạc hậu. Dân số trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm khoảng 20% dân số của các nước thành viên mới. Lĩnh vực nông nghiệp là lĩnh vực rất nhạy cảm trong EU từ trước đến nay. Hiện nay ngân sách của EU dành cho nông nghiệp thường chiếm gần 40% tổng ngân sách hàng năm. Ngoài ra, còn một loạt các vấn đề như: xây dựng thể chế pháp luật của các nước thành viên mới cho phù hợp với hệ thống pháp luật của EU, giải quyết vấn đề di dân, tìm việc làm v.v... đang đòi hỏi EU phải có những giải pháp tích cực và sẽ phải thu hút một nguồn ngân sách không nhỏ để giải quyết vấn đề này. Điều này cũng làm giảm sự quan tâm và hỗ trợ của EU với bên ngoài, trong đó có Việt Nam.

Như vậy, trước những biến đổi hết sức to lớn trong bối cảnh quốc tế hiện nay, tận dụng triệt để những nhân tố tác động mới để mở rộng quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam - EU là vấn đề quan trọng đối với Việt Nam đang trong quá trình tích cực hội nhập quốc tế.

II. QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - EU HIỆN NAY VÀ TRIỂN VỌNG

Có thể nói dấu mốc quan trọng nhất trong sự phát triển quan hệ Việt Nam - EU là việc thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng đồng kinh tế Châu Âu ngày 22 tháng 10 năm 1990. Sự kiện này đã mở ra giai đoạn phát triển mới giữa Việt Nam - EU. Tiếp theo đó, năm 1992 Việt Nam và EU ký Hiệp định Hợp tác ngành dệt may đã tạo điều kiện tăng cường quan hệ thương mại giữa hai bên. Đặc biệt, ngày 17 tháng 07 năm 1995, tại trụ sở của Ủy ban Châu Âu ở Brussell, Bỉ, Việt Nam và Ủy ban Châu Âu đã chính thức ký Hiệp định khung hợp tác. Đây là hiệp định đề cập một cách toàn diện quan hệ hợp tác Việt Nam - EU trên nhiều lĩnh vực. Về thương mại, theo hiệp định khung đã ký, EU dành cho Việt Nam quy chế đối xử tối huệ quốc và cho phép Việt Nam được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập. Hai bên tạo điều kiện thuận lợi cho nhau trong việc trao đổi hàng hoá và tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi để tăng cường đầu tư giữa hai bên. Như vậy, những năm đầu của thập kỷ 90 là giai đoạn mở đầu cho sự phát triển quan hệ nhiều mặt giữa Việt Nam và EU. Các hiệp định đã được ký kết giữa hai phía là cơ sở pháp lý hết sức quan trọng thúc đẩy quan hệ kinh tế thương mại giữa Việt Nam - EU những năm tiếp theo. Sau khi Việt Nam và EU ký Hiệp định khung hợp tác, hai phía đã triển khai chiến lược hợp tác cho giai đoạn 1995-2000 và hiện nay đang triển khai chiến lược hợp tác cho giai đoạn 2001-2005. Mục

tiêu chủ yếu là tăng cường hợp tác giữa hai phía, EU tiếp tục giúp Việt Nam trong việc chuyển sang nền kinh tế thị trường, xoá đói giảm nghèo và hội nhập kinh tế quốc tế.

Về thương mại: Trong hơn 10 năm qua, quan hệ thương mại Việt Nam - EU không ngừng được phát triển. Kim ngạch buôn bán Việt Nam - EU từ năm 1990 - 1999 tăng 12,1 lần, tốc độ tăng trung bình hàng năm là 31,78%. Cho đến nay Việt Nam đã có quan hệ buôn bán với 13/15 nước thành viên EU với kim ngạch tăng khá nhanh, đặc biệt với Pháp, Đức, Anh, Hà Lan. Các mặt hàng Việt Nam xuất sang EU ngày càng phong phú và đa dạng. Ngoài thuỷ sản, nông sản, đã có các sản phẩm công nghiệp chế biến như dệt may, giày dép, sản phẩm bằng da thuộc, đồ gỗ, đồ chơi trẻ em, dụng cụ thể thao, gốm sứ mỹ nghệ. Đặc biệt đã xuất hiện các mặt hàng có mức chế biến cao như hàng điện tử, điện máy... Kim ngạch nhập khẩu từ EU vào Việt Nam cũng tăng khá nhanh trong những năm qua, tốc độ tăng trung bình những năm 1993 - 1999 là 40%. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu từ EU là ô tô, xe máy, phân bón, sắt thép, xăng dầu, máy móc thiết bị phụ tùng. Nhìn chung khoảng 55% kim ngạch nhập khẩu là máy móc thiết bị trang bị cho nhiều ngành kỹ thuật cao, 20% là hoá chất và tân dược. Tuy nhiên hiện nay trong quan hệ thương mại với EU, Việt Nam vẫn là nước xuất siêu khá lớn, trong khi nhu cầu nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ EU còn rất nhiều, đặc biệt là những mặt hàng máy móc thiết bị phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá của Việt Nam mà EU

đang có nhiều tiềm năng và thế mạnh. Mặc dù cơ cấu hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU có cải tiến và phong phú

hơn song vẫn còn khá lạc hậu, nhóm hàng nông sản và hàng gia công chế biến vẫn chiếm tỷ trọng cao.

Bảng 1: Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - EU (triệu USD)

Năm	Xuất khẩu		Nhập khẩu		Xuất nhập khẩu	
	Giá trị	Tăng %	Giá trị	Tăng %	Giá trị	Tăng %
1998	2125,8	32,2	1307,6	-1,3	3433,4	17,1
1999	2506,3	17,9	1052,8	-19,5	3559,1	3,7
2000	2824,4	12,7	1302,6	-23,7	4127,0	15,9
2001	3002,9	6,3	1527,4	17,2	4530,3	9,7
2002	3149,9	4,9	1842,1	20,5	4991,1	10,2

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tóm lại, trong thời gian qua quan hệ thương mại Việt Nam - EU tăng khá nhanh, đặc biệt từ sau năm 1995. Tuy nhiên, cơ cấu hàng hoá xuất nhập khẩu của Việt Nam sang thị trường EU hiện còn rất lạc hậu. Đặc biệt, các mặt hàng chủ đạo xuất khẩu sang EU như dệt may, giày dép... chủ yếu là gia công cho các đối tác nước ngoài (chiếm 80%) và xuất khẩu phải qua trung gian nhiều (10 - 40%) do vậy hiệu quả kinh tế rất thấp và không làm chủ được thị trường.

Về đầu tư: EU là những nhà đầu tư sớm vào Việt Nam sau khi Việt Nam ban hành Luật Đầu tư nước ngoài năm 1987. Từ năm 1988 đến năm 2000, các nước EU đã có 322 dự án được cấp phép, vốn đăng ký đạt 5,38 tỷ USD. Trừ các dự án đã hết hạn, giải thể hoặc chuyển nhượng vốn, EU hiện còn 241 dự án với tổng vốn đăng ký 4,3 tỷ USD, chiếm 10% vốn dự án, 12,2% vốn đăng ký của các dự án

đang hoạt động ở Việt Nam. Với ưu thế về tài chính và công nghệ, hầu hết các dự án của EU được triển khai tương đối tốt, hoạt động có hiệu quả. Hiện nay đầu tư nước ngoài của EU có mặt trên hầu hết các lĩnh vực và đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế của Việt Nam. Đến nay vốn thực hiện của các dự án EU đạt trên 1,9 tỷ USD, chiếm gần 44% vốn đăng ký và gần 13% tổng vốn thực hiện của khu vực đầu tư nước ngoài. Các dự án của EU đã đạt mức doanh thu 2,3 tỷ USD và thu hút 2,3 vạn lao động Việt Nam làm việc trong các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, góp phần bổ sung nguồn vốn và công nghệ cho đầu tư phát triển, tạo thêm năng lực sản xuất mới cho nền kinh tế, tạo thêm việc làm và bước đầu có đóng góp cho nguồn thu ngân sách. Tính từ 01/01/1988 đến 10/10/2002, có 11 trong số 15 nước thành viên EU có dự án đầu tư tại Việt Nam.

Bảng 2: Dự án đầu tư của các nước thành viên EU vào Việt Nam
(Những dự án đang có hiệu lực tính đến 10/10/02)

	Nước	Số dự án	Vốn đầu tư (triệu \$)	Vốn thực hiện (triệu \$)	Doanh thu (triệu \$)
1	Pháp	122	2.014,2	805,7	1.592,9
2	Hà Lan	43	1.656,1	976,9	1.408,1
3	Anh	45	1.177,9	686,6	561,0
4	Thụy Điển	9	454,4	358,8	123,4
5	Đức	41	348,3	119,1	235,9
6	Đan Mạch	7	112,9	57,8	328,9
7	Bỉ	20	54,9	25,8	58,2
8	Lucsembua	11	35,9	14,6	41,1
9	Italia	9	25,4	2,7	5,1
10	Áo	7	20,3	21,7	981,3
11	Tây Ban Nha	1	0,2	0,06	0,05
Tổng cộng		315	5.900,5	3.069,8	5.335,9

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Hiện nay vốn đầu tư của EU vào Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn nhất là lĩnh vực dầu khí, tiếp theo là lĩnh vực công nghiệp và xây dựng. Đầu tư vào lĩnh vực nông-lâm nghiệp, y tế, giáo dục còn nhỏ bé. Vấn đề đặt ra hiện nay là một số lĩnh vực Việt Nam rất cần thu

hút vốn đầu tư, trong khi EU có thể mạnh như nông nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng... vẫn chưa được khai thác. Việt Nam cần có chính sách khuyến khích đặc biệt nhằm thu hút vốn đầu tư vào những lĩnh vực này.

Bảng 3: Dự án đầu tư của EU vào Việt Nam theo lĩnh vực đầu tư
(Những dự án đang có hiệu lực tính đến 10/10/02)

	Ngành đầu tư	Số dự án	Vốn đầu tư (triệu\$)	Vốn thực hiện (triệu\$)	Doanh thu (triệu\$)
1	Công nghiệp dầu khí	10	1.431,7	1.241,2	0
2	Công nghiệp nặng	73	1.529,0	569,0	1.573,0
3	Tài chính -Ngân hàng	14	165,8	153,2	357,5
4	Công nghiệp nhẹ	48	117,4	85,6	450,9
5	Khách sạn -Du lịch	14	183,2	152,4	183,5
6	Xây dựng	28	336,5	158,2	470,9
7	Dịch vụ	42	214,9	85,2	95,1
8	Nông-lâm nghiệp	32	835,7	265,0	780,2
9	Công nghiệp thực phẩm	27	328,7	192,7	590,2
10	Giao thông vận tải -Bưu điện	14	690,1	136,9	489,4
11	Y tế, Giáo dục	13	67,2	30,4	194,2
Tổng cộng		315	5.900,5	3.069,8	5.335,9

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bên cạnh lĩnh vực thương mại và đầu tư, viện trợ phát triển có vị trí quan trọng trong quan hệ Việt Nam - EU. Trong thời kỳ 1991-1995, viện trợ phát triển của EU cho Việt Nam tập trung vào 7 lĩnh vực chủ yếu: phát triển nông thôn và viện trợ nhân đạo, môi trường và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, hợp tác kinh tế, hỗ trợ các tổ chức phi chính phủ, hỗ trợ các đối tác đầu tư của Cộng đồng Châu Âu, hợp tác khoa học và công nghệ, viện trợ lương thực. Viện trợ phát triển của EU dành cho Việt Nam đã tăng từ 3 triệu ECU/năm trong các năm 1994-1995 lên 5,2 triệu ECU/năm trong các năm 1996-2000. Hiện nay EU là nhà viện trợ không hoàn lại lớn nhất của Việt Nam (300 triệu Euro, chiếm khoảng 20% giải ngân vốn ODA năm 2001). Năm 2002 tổng giải ngân các dự án chương trình của EU lên tới 311 triệu Euro, tăng 4% so với năm 2001. EU đang ưu tiên sử dụng viện trợ hợp tác kinh tế để hỗ trợ cải cách kinh tế và giảm những tác động xã hội của quá trình cải cách, đồng thời tập trung viện trợ hợp tác phát triển vào củng cố các lĩnh vực xã hội, chủ yếu là y tế và giáo dục, xoá đói giảm nghèo ở những vùng nông thôn và miền núi, hỗ trợ bảo vệ môi trường, góp phần vào quá trình chuẩn bị và thực hiện những cải cách then chốt của Việt Nam. Chiến lược của Liên minh Châu Âu là hỗ trợ Việt Nam thực hiện các nỗ lực của mình để hội nhập vào nền kinh tế thế giới, đẩy mạnh phát triển yếu tố con người và xoá đói giảm nghèo, thực hiện chương trình trợ giúp thương mại đa biên nhằm giúp Việt Nam đạt được trình độ kỹ thuật cần thiết trong các ngành then chốt để gia nhập vào WTO.

Mặc dù quan hệ hợp tác Việt Nam - EU từ năm 1990 (sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao) được phát triển khá toàn diện với tốc độ cao, đặc biệt là sau khi Hiệp định khung được ký kết năm 1995, nhưng hiện nay quan hệ này vẫn chưa tương xứng với tiềm năng phát triển và yêu cầu của cả hai bên. Trên thực tế EU bao gồm những nước phát triển hàng đầu thế giới về tiềm lực kinh tế, công nghệ tiên tiến, nhưng các nước thành viên EU vẫn là những đối tác đứng sau các nước Đông Á trong quan hệ với Việt Nam. Kim ngạch thương mại Việt Nam - EU hiện nay mới chiếm 0,12% tổng kim ngạch ngoại thương của EU và chiếm 13,4% tổng kim ngạch ngoại thương của Việt Nam. Khối lượng nhập khẩu của Việt Nam từ EU còn nhỏ, mặc dù các hàng hoá của EU có chất lượng cao, đặc biệt là máy móc thiết bị công nghệ tiên tiến cần thiết cho Việt Nam, nhưng giá cả và điều kiện thanh toán còn chưa phù hợp. Hiện nay nhập khẩu từ EU mới chiếm khoảng hơn 10% tổng giá trị nhập khẩu của Việt Nam. Thực trạng trên do những nguyên nhân chủ yếu sau:

Thứ nhất, hàng xuất khẩu của Việt Nam vào EU còn nghèo nàn về chủng loại, tập trung chủ yếu là hàng nông, thủy sản, dệt may, dày dếp, chất lượng kém, khả năng cạnh tranh kém so với các hàng hoá cùng loại từ các nước khác. Ngoài ra, hàng hoá của Việt Nam vào thị trường EU thường phải thông qua các trung gian, chẳng hạn như hàng dệt may, dày dếp của Việt Nam xuất vào EU có từ 10 - 40% phải qua trung gian.

Thứ hai, các doanh nghiệp Việt Nam còn

yếu kém kinh nghiệm trong thương trường, chưa có cách tiếp cận chủ động thị trường EU, thông tin yếu, đặc biệt chưa chủ động sử dụng các biện pháp Marketing, quảng cáo xúc tiến bán hàng.

Thứ ba, mặc dù Việt Nam đã và đang thực hiện chính sách mở cửa nhưng chính sách thương mại Việt Nam chưa ổn định, môi trường đầu tư chưa hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài nói chung và EU nói riêng.

Thứ tư, sau khi ký Hiệp định khung hợp tác, hàng hoá Việt Nam xuất khẩu vào EU đã có nhiều ưu đãi, kể cả việc áp dụng chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP), nhưng phía EU vẫn còn nhiều rào cản đối với hàng hoá của Việt Nam về thuế và hạn ngạch, kể cả những hàng rào phi thuế quan.

Như vậy rõ ràng việc tìm kiếm những biện pháp tiếp tục mở rộng hơn nữa quan hệ hợp tác kinh tế thương mại giữa Việt Nam và EU hiện nay là yêu cầu khách quan đặt ra cho cả hai phía, đặc biệt trong điều kiện toàn cầu hoá và khu vực hoá đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay. Triển vọng phát triển quan hệ kinh tế Việt Nam- EU trong thời gian tới phụ thuộc rất nhiều vào việc Việt Nam và EU khai thác triệt để được những cơ hội đang thay đổi trên thế giới cũng như trong bản thân mỗi phía và vượt qua được những thách thức đang đặt ra hiện nay. Trong chiến lược phát triển của mình trong những năm tới, việc tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, chủ động tích cực hội nhập vào quốc tế là những nội dung được ưu tiên của Việt Nam. Trong các đối tác, EU là đối tác được ưu tiên

và dự kiến EU chiếm khoảng 25-27% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam. Phía Liên minh Châu Âu cũng đang thực hiện chương trình mở rộng giao lưu hàng hoá, mục tiêu là đẩy mạnh tự do hoá thương mại thông qua việc giảm dần thuế quan đánh vào hàng hoá xuất nhập khẩu, xoá bỏ chế độ hạn ngạch vào cuối năm 2004 và tiến tới xoá bỏ chế độ GSP. Điều này buộc Việt Nam phải tính đến và có những biện pháp chủ động để thích ứng. Đặc biệt trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt như hiện nay các doanh nghiệp Việt Nam phải phấn đấu để có thể đứng vững trong quá trình mở cửa và hội nhập, trước hết là vượt qua được những thách thức trong điều kiện EU xoá bỏ hạn ngạch và chế độ GSP trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Thúc đẩy quan hệ thương mại đầu tư giữa Liên hiệp Châu Âu và Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ thứ XXI. Nxb KHXH, Hà Nội, 2001.
2. Ủy ban Châu Âu: "Chiến lược mới hợp tác Á-ÂU"- 9/2001 và "Đối tác chiến lược mới với khu vực Đông Nam Á"- 9/7/2003.
3. Hội nhập kinh tế quốc tế: Những vấn đề lý luận và thực tiễn. (Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia - Hà Nội, 2004).
4. Việt Nam - EU tiến tới đối tác toàn diện vì phát triển (Đặc san tuần báo Quốc tế năm 2000).
5. Blue book, Hanoi, September 2003 (European Commission).
6. Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu các số năm 2002 và 2003.
7. Một số tài liệu của EDC- Dự án Nghiên cứu Châu Âu tại Việt Nam.
8. Web site: www.europa.eu.int.